



lpard

AGRO@NFO

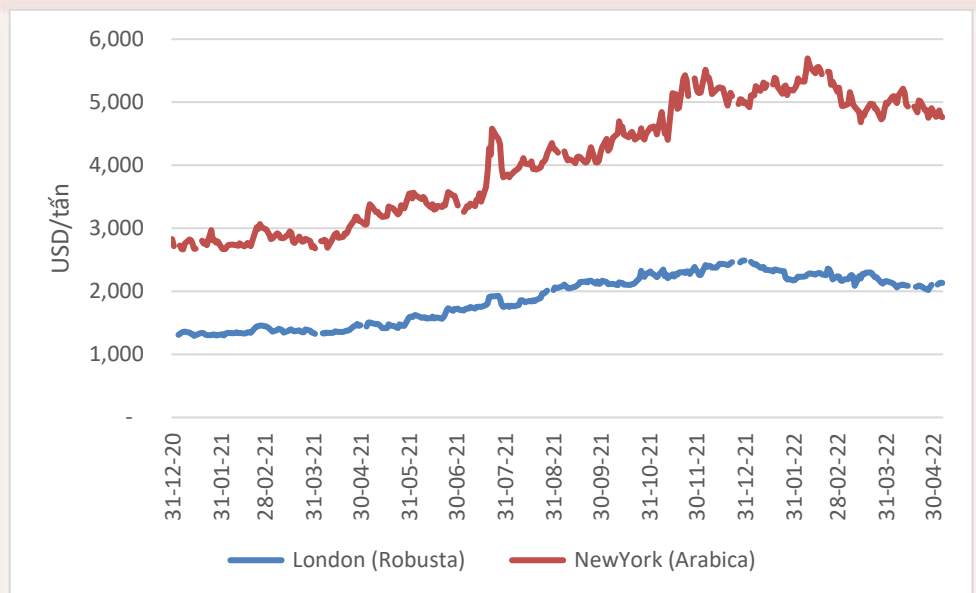
**Tuần 18**  
(02.05.2022 – 06.05.2022)

# BẢN TIN TUẦN CÀ PHÊ

## ĐIỂM TIN

- ❖ Giá cà phê Robusta kỳ hạn T7/2022 tăng 3,54% so với tuần trước lên mức bình quân 2.126 USD/tấn.
- ❖ Giá cà phê Arabica kỳ hạn tháng 7/2022 giảm 0,92% so với mức giá tuần trước xuống mức bình quân 4.796 USD/tấn.
- ❖ Bộ Nông nghiệp Mỹ (USDA) dự báo sản lượng cà phê thế giới trong niên vụ 2021 - 2022 giảm 8,5 triệu bao (tương ứng giảm 4,8%) so với niên vụ 2020 - 2021 xuống còn 167,5 triệu bao (loại 60 kg/bao)
- ❖ Dữ liệu thương mại của chính phủ Indonesia cho thấy, xuất khẩu cà phê robusta trong tháng 3/2022 đạt 126.740 bao, giảm 119.991 bao (tương đương mức giảm 48,6%) so với tháng 3/2021.

## THỊ TRƯỜNG THẾ GIỚI



Nguồn: Sàn kỳ hạn ICE. [www.theice.com](http://www.theice.com)

Thị trường London kỳ hạn tháng 7/2022 diễn biến tăng nhẹ trong tuần. Giá cà phê Robusta trung bình đạt 2.126 USD/tấn, tăng 3,54% so với tuần trước, và tăng 42,78% so với cùng kỳ năm 2021. Giá cao nhất trong tuần đạt 2.137 USD/tấn, giá thấp nhất là 2.107 USD/tấn.

Thị trường New York kỳ hạn tháng 7/2022 diễn biến giảm trong tuần. Giá cà phê Arabica bình quân đạt 4.796 USD/tấn, giảm 0,92% so với mức giá tuần trước và tăng 48,60% so với cùng kỳ năm 2021. Giá cao nhất trong tuần đạt 4.868 USD/tấn, giá thấp nhất trong tuần đạt 4.764 USD/tấn.

Bộ Nông nghiệp Mỹ (USDA) dự báo sản lượng cà phê thế giới trong niên vụ 2021 - 2022 giảm 8,5 triệu bao (tương ứng giảm 4,8%) so với niên vụ 2020 - 2021 xuống còn 167,5 triệu bao (loại 60 kg/bao). Nguyên nhân chủ yếu là do cây cà phê arabica tại Brazil bước vào chu kỳ năng suất thấp hai năm một lần, bên cạnh ảnh hưởng bởi các yếu tố bất lợi.

Theo Reuters, dự kiến mức tiêu thụ cà phê của Brazil trong niên vụ 2021 - 2022 sẽ giảm lần đầu tiên trong hơn 10 năm qua do suy thoái kinh tế, tỷ lệ lạm phát cao và giá cả tăng cao đã tác động tiêu cực lên nhu cầu tiêu dùng.

Dữ liệu thương mại của chính phủ Indonesia cho thấy, xuất khẩu cà phê robusta trong tháng 3/2022 đạt 126.740 bao, giảm 119.991 bao (tương đương mức giảm 48,6%) so với tháng 3/2021. Kết thúc niên vụ cà phê theo truyền thống (từ tháng 4/2021 đến tháng 3/2022), Indonesia xuất khẩu đạt 4.568.248 bao, tăng 1.327.903 bao (tăng gần 41%) so với niên vụ cà phê 2020 - 2021.

Citigroup dự báo rằng, thị trường cà phê toàn cầu niên vụ 2022 - 2023 sẽ chuyển sang thặng dư 3,5 triệu bao từ mức thâm hụt trong niên vụ 2021 - 2022 là 7,3 triệu bao.

Cuộc chiến ở Ukraine đã làm dấy lên lo ngại về nhu cầu tiêu thụ cà phê, do thị trường dự đoán điều này sẽ dẫn đến lạm phát nhanh hơn. Nếu lạm phát xuất hiện, chi tiêu của người tiêu dùng sẽ hạn chế và tiêu thụ cà phê sẽ giảm do người tiêu dùng thực hiện "thắt lưng buộc bụng", ít đi lại các nhà hàng và quán cà phê.

Ngành cà phê của Uganda đang bị bao phủ bởi sự không chắc chắn và đầy ngờ vực sau hơn một tháng kể từ khi chính phủ rút khỏi Tổ chức Cà phê Quốc tế (ICO), The EastAfrican đưa tin.

Vấn đề ngày càng trở nên bối rối bởi sự gia nhập của một công ty chế biến mới mà chính phủ đã cung cấp một số trợ cấp, bao gồm quyền tiếp cận ưu tiên đối với hạt cà phê chất lượng hàng đầu của đất nước.

Tuy nhiên, Cơ quan Phát triển Cà phê Uganda (UCDA) khẳng định, việc rút khỏi ICO là tốt cho

nông dân và các nhà xuất khẩu, và quốc gia này sẵn sàng tham gia lại tổ chức nếu những bất bình của họ được giải quyết.

Uganda cho biết, nguyên nhân khiến họ rút lui khỏi ICO xuất phát từ những điều khoản bất hợp lý trong một bản dự thảo thỏa thuận mới kéo dài hai năm.

Quốc gia Đông Phi này nêu rõ, họ cần tiếp cận thị trường vô điều kiện cho phép xuất khẩu cà phê giá trị gia tăng, có giá cao hơn, thay vì hạt cà phê như hiện tại được quy định trong hiệp định.

Uganda cũng mong muốn ICO xây dựng thương hiệu cà phê của riêng nước này trên thị trường quốc tế, đặc biệt là robusta, để có thể thu hút giá cao và tăng hạn ngạch xuất khẩu sang các thị trường khác nhau.

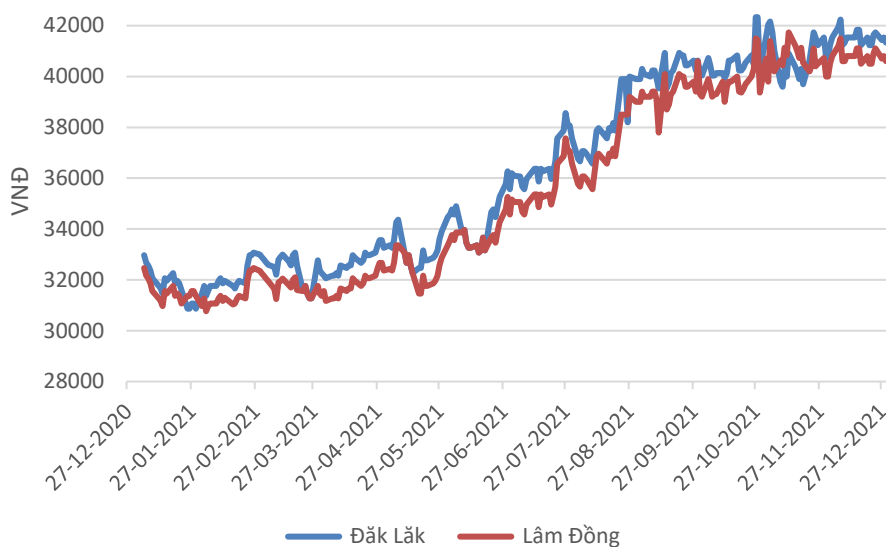
Theo báo cáo gần đây của Bộ Nông nghiệp Mỹ (USDA), sản lượng cà phê nhân của Trung Quốc đang có xu hướng giảm, Daily Coffee News đưa tin. Trong khi đó, nhu cầu trong nước đối với cà phê chưa rang và rang đang mở rộng nhanh chóng do ngày càng có nhiều người tiêu dùng đón nhận loại đồ uống này.

Nhập khẩu cà phê nhân sang Trung Quốc trong giai đoạn 2020 - 2021 tăng khoảng 80% so với năm trước, đạt khoảng 1,68 triệu bao loại 60kg. Nhìn chung, nhập khẩu cà phê sang Trung Quốc, bao gồm cà phê xanh, rang xay và hòa tan đóng gói, đạt tương đương 3,8 triệu bao trong giai đoạn 2020 - 2021, với ước tính là 4 triệu bao cho năm thị trường hiện tại.

## ĐIỂM TIN

- ❖ Giá cà phê Robusta trung bình tại các tỉnh Tây Nguyên tăng nhẹ so với tuần trước. Giá trung bình tại Đắk Lắk là 41.873 đồng/ kg. Giá trung bình tại Lâm Đồng là 41.340 đồng/kg.
- ❖ Cà phê giao ngay tại cảng Sài Gòn tăng 2,30% so với tuần trước lên mức 2.175 USD/tấn.
- ❖ Theo số liệu thống kê từ Tổng cục Hải quan, xuất khẩu cà phê của Việt Nam sang Bỉ trong tháng 3/2022 đạt 29,2 nghìn tấn, trị giá 61,7 triệu USD, tăng 440,7% về lượng và tăng 571% về trị giá so với tháng 3/2021.
- ❖ Theo báo cáo của các Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, vùng Tây Nguyên có 163.500 ha các loại cây trồng được trồng xen trong vườn cà phê, bằng 25,1% tổng diện tích cà phê.

## THỊ TRƯỜNG VIỆT NAM



Nguồn: CTV AgroInfo

Giá cà phê trung bình trong nước tại các tỉnh Tây Nguyên tuần này diễn biến giảm nhẹ so với tuần trước. Tại Đắk Lắk, giá cà phê Robusta bình quân trong tuần đạt 41.873 đồng/kg, tăng 3,15% so với tuần trước và tăng 24,01% so với cùng kỳ năm 2021. Tại Lâm Đồng, giá cà phê Robusta tăng 2,73% so với tuần trước, lên mức bình quân 43.340 đồng/kg và tăng 25,88% so với cùng kỳ năm 2021.

Giá cà phê xuất khẩu giao ngay (FOB) tại cảng Sài Gòn tuần này đạt 2.175,4 USD/tấn, tăng 2,30% so với tuần trước.

Bỉ là thị trường xuất khẩu cà phê lớn thứ hai của Việt Nam, tỷ trọng chiếm 11,3% tổng lượng và 10,4% tổng trị giá trong quý I/2022. Xuất khẩu cà phê sang thị trường Bỉ bùng nổ mạnh đã tác động tích cực lên toàn ngành.

Theo số liệu thống kê từ Tổng cục Hải quan, xuất khẩu cà phê của Việt Nam sang Bỉ trong tháng 3/2022 đạt 29,2 nghìn tấn, trị giá 61,7 triệu USD, tăng 440,7% về lượng và tăng 571% về trị giá so với tháng 3/2021.

Tính chung quý I/2022, xuất khẩu cà phê của Việt Nam sang Bỉ đạt 65,7 nghìn tấn, trị giá 135,3 triệu USD, tăng 446,8% về lượng và tăng 580% về trị giá so với cùng kỳ năm 2021.

Trong tháng 3/2022, giá xuất khẩu bình quân cà phê của Việt Nam sang Bỉ đạt mức 2.111 USD/ tấn, tăng 24,1% so với tháng 3/2021. Tính chung quý I/2022, giá xuất khẩu bình quân cà phê của Việt Nam sang Bỉ đạt mức 2.054 USD/tấn, tăng 24,4% so với cùng kỳ năm 2021.

Việt Nam xuất khẩu chủ yếu cà phê robusta sang Bỉ. Trong hai tháng đầu năm 2022, xuất khẩu cà phê robusta sang Bỉ đạt xấp xỉ 34,5 nghìn tấn, trị giá 65 triệu USD, tăng 466,1% về lượng và tăng 577% về trị giá so với cùng kỳ năm 2021.

Trong khi đó, chủng loại cà phê arabica có tốc độ xuất khẩu tăng tới 544,8% về lượng và tăng 890,5% về trị giá, nhưng lượng đạt mức thấp.

Theo Cục Trồng trọt, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, tại các tỉnh Tây Nguyên những năm qua việc trồng xen các đối tượng cây công nghiệp và cây ăn quả trong vườn cà phê đã mang lại thu nhập ổn định và bền vững hơn, đặc biệt hiệu quả kinh tế cao khi trồng xen sầu riêng, bơ và hồ tiêu.

Theo báo cáo của các Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, vùng Tây Nguyên có 163.500 ha các loại cây trồng được trồng xen trong vườn cà phê, bằng 25,1% tổng diện tích cà phê.

Các tỉnh có diện tích trồng xen lớn là Đắk Lắk có 81.400 ha, bằng 38,1% tổng diện tích cà phê của tỉnh; Đắk Nông có 51.200 ha, bằng 38%; Lâm Đồng có 23.000 ha, bằng 13,1%; Kon Tum có 5.900 ha, bằng 20,5%; Gia Lai có 1.600 ha, bằng 1,6%.

Các đối tượng trồng xen trong vườn cà phê như: cây ăn quả 58.500 ha; trong đó sầu riêng 28.500 ha, bơ 28.100 ha, hồng 1.400 ha, cây ăn quả khác 600 ha.

Trồng xen cây công nghiệp 62.700 ha, gồm: hồ tiêu 49.800 ha; điều 7.300 ha; mắc ca 5.000 ha; dâu tằm 600 ha; cây trồng khác 9.200 ha.

Theo Cục Trồng trọt, trồng xen cây công nghiệp và cây ăn quả lâu năm trên vườn cà phê như hồ tiêu, sầu riêng, bơ, điều... nhằm đa dạng hóa sản phẩm, tạo thêm việc làm, nâng cao và ổn định thu nhập cho người dân, hạn chế được những rủi ro về giá cả và biến động của thị trường, góp phần ổn định diện tích ca phê.

Ngoài ra, trồng xen còn có tác dụng làm cây che bóng, chắn gió cho cà phê, hạn chế bốc hơi nước, giữ ẩm cho cà phê, phát triển bền vững trong điều kiện biến đổi khí hậu.

Một số mô hình cà phê trồng xen hiệu quả như tại tỉnh Lâm Đồng, Đắk Lắk, Kon Tum lợi nhuận từ trồng xen cà phê với cây sầu riêng đạt từ 200 - 350 triệu đồng/ha; cây bơ từ 100 - 150 triệu đồng/ha.

Hay tại tỉnh Đắk Nông, lợi nhuận trồng xen với sầu riêng đạt 80 triệu đồng/ha, tăng 1,9 lần so cà phê trồng thuần; cây bơ và cây hồ tiêu đạt 60 triệu đồng/ha, tăng 1,4 lần so với cà phê trồng thuần.

#### **Nguồn tham khảo:**

1. <https://www.theice.com/index>
2. <https://www.iandmsmith.com/>
3. <https://www.comunicaffe.com>
4. CTV và trang tin Tin Tây Nguyên
5. <https://giacaphe.com>
6. <https://www.comunicaffe.com/>
7. <https://vietnambiz.vn/gia-ca-phe-hom-nay-294-thi-truong-noi-dia-bat-ngo-tang-700-dongkg-2022428104544203.htm>
8. <https://bnews.vn/tay-nguyen-tang-dien-tich-cay-trong-xen-trong-vuon-ca-phe/242535.html>

## Giá cà phê nhân xô

Đơn vị: VNĐ/kg

| Tỉnh/ huyện                      | Thứ 2         | Thứ 3         | Thứ 4         | Thứ 5         | Thứ 6         | Trung bình    | Tăng/ giảm  |
|----------------------------------|---------------|---------------|---------------|---------------|---------------|---------------|-------------|
| <b>LÂM ĐỒNG</b>                  | <b>41,100</b> | <b>41,200</b> | <b>41,300</b> | <b>41,600</b> | <b>41,500</b> | <b>41,340</b> | <b>1100</b> |
| Bảo Lộc                          | 41,100        | 41,200        | 41,300        | 41,600        | 41,500        | 41,340        | 1100        |
| Di Linh                          | 41,100        | 41,200        | 41,300        | 41,600        | 41,500        | 41,340        | 1100        |
| Lâm Hà                           | 41,100        | 41,200        | 41,300        | 41,600        | 41,500        | 41,340        | 1100        |
| <b>ĐẮK LẮK</b>                   | <b>41,633</b> | <b>41,733</b> | <b>41,833</b> | <b>42,133</b> | <b>42,033</b> | <b>41,873</b> | <b>1280</b> |
| Cư M'gar                         | 41,700        | 41,800        | 41,900        | 42,200        | 42,100        | 41,940        | 1400        |
| Ea H'leo                         | 41,600        | 41,700        | 41,800        | 42,100        | 42,000        | 41,840        | 1220        |
| Buôn Hồ                          | 41,600        | 41,700        | 41,800        | 42,100        | 42,000        | 41,840        | 1220        |
| <b>GIA LAI</b>                   | <b>41,533</b> | <b>41,633</b> | <b>41,733</b> | <b>42,033</b> | <b>40,600</b> | <b>41,507</b> | <b>953</b>  |
| Pleiku                           | 41,500        | 41,600        | 41,700        | 42,000        | 39,900        | 41,340        | 820         |
| Chư Prông                        | 41,600        | 41,700        | 41,800        | 42,100        | 42,000        | 41,840        | 1220        |
| La Grai                          | 41,500        | 41,600        | 41,700        | 42,000        | 39,900        | 41,340        | 820         |
| <b>ĐẮK NÔNG</b>                  | <b>41,550</b> | <b>41,650</b> | <b>41,750</b> | <b>42,050</b> | <b>40,950</b> | <b>41,590</b> | <b>1020</b> |
| Đắk R'lấp                        | 41,500        | 41,600        | 41,700        | 42,000        | 39,900        | 41,340        | 820         |
| Gia Nghĩa                        | 41,600        | 41,700        | 41,800        | 42,100        | 42,000        | 41,840        | 1220        |
| <b>KON TUM</b>                   | <b>41,600</b> | <b>41,700</b> | <b>41,800</b> | <b>42,100</b> | <b>42,000</b> | <b>41,840</b> | <b>1220</b> |
| Đắk Hà                           | 41,600        | 41,700        | 41,800        | 42,100        | 42,000        | 41,840        | 1220        |
| <b>HỒ CHÍ MINH<br/>(USD/tấn)</b> | <b>2,162</b>  | <b>2,162</b>  | <b>2,170</b>  | <b>2,192</b>  | <b>2,191</b>  | <b>2,175</b>  | <b>49</b>   |

Nguồn: CTV Agroinfo, Giacaphe.com



Bản tin được thực hiện bởi **AGROiNFO**

VIỆN CHÍNH SÁCH VÀ CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP NÔNG THÔN

**TRUNG TÂM THÔNG TIN PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP NÔNG THÔN**

Địa chỉ: 16 Thụy Khuê, Tây Hồ, Hà Nội

Email: [info@agro.gov.vn](mailto:info@agro.gov.vn)

Website: [www.agro.gov.vn](http://www.agro.gov.vn)